TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **97**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29/ 6/ 2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Văn Đông.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Hương.
2/ Bà Lương Thị Thùy Dương.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vi Thị Nhuần – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 116/2026/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vi Thị H**, sinh năm: 1989.
Số định danh công dân: 040189020490.
Địa chỉ ĐKTT: Bản N, xã M, tỉnh Nghệ An.
Tạm trú: Bản Bành, xã Q, tỉnh Nghệ An. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
2. Bị đơn: Anh **Vi Văn Q**, sinh năm: 1984.
Số định danh công dân: 040084028813.
Địa chỉ: Bản N, xã M, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2026 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vi Thị H trình bày:

Chị Vi Thị H đăng ký kết hôn với anh Vi Văn Q vào ngày 12/9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q cũ (Sau sáp nhập nay là xã Q, tỉnh Nghệ An). Sau thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, những năm gần đây giữa vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, theo chị H nguyên nhân do giữa vợ chồng phát sinh nhiều quan điểm trái ngược nhau về lối sống, cách nuôi dạy con chung và xây dựng hạnh phúc gia đình, không còn sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, cũng như không còn chung quan

điểm, tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, có những lời nói xúc phạm gây tổn thương, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân đã lâu, mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành, chị Vi Thị H xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống xây dựng hạnh phúc gia đình lâu dài nên đề nghị được giải quyết ly hôn với anh Vi Văn Q.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Vi Thị H và anh Vi Văn Q có 02 (hai) con chung là Vi Hải T, sinh ngày 25/12/2007 và Vi Huyền D, sinh ngày 25/11/2012. Đến thời điểm giải quyết vụ án con chung Vi Hải T đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, phát triển bình thường và tự lập chị Vi Thị H không yêu cầu xem xét giao nuôi. Đối với người con gái Vi Huyền D theo chị H trình bày, từ lúc sống ly thân đến nay anh Q không có sự quan tâm, gần gũi, chăm sóc con, chị H là người trực tiếp nuôi con, ý kiến con chung có nguyện vọng được ở cùng mẹ, do đó giải quyết ly hôn chị H đề nghị giao con chung cho chị trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, chị cam kết đảm bảo đủ khả năng nuôi dưỡng con chung trưởng thành nên không yêu cầu anh Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vi Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn anh Vi Văn Q: Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện cùng tài liệu chứng cứ kèm theo đơn, cũng như tống đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định cho anh Q, tuy nhiên anh Q không hợp tác ký nhận và không có mặt làm việc theo yêu cầu của Tòa án. Qua biên bản làm việc, xác minh tại địa phương cho thấy tại thời điểm giải quyết vụ án anh Q có mặt tại nơi ở bản N, xã M, tỉnh Nghệ An, sau khi được Tòa án thông báo, tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, biết sự việc chị H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn anh Q không hợp tác ký nhận giấy tờ được tống đạt, không nêu lý do vì sao không có mặt tham gia giải quyết vụ án hoặc có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án xem xét theo quy định. Do đó vụ án được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu nên Tòa án tiếp tục tiến hành giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật.

Ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của con chung Vi Huyền D, sinh ngày 25/11/2012, con chung cho biết nếu bố và mẹ không còn chung sống cùng nhau, cháu Vi Huyền D nêu ý kiến, nguyện vọng mong muốn tiếp tục được sống cùng với mẹ là chị Vi Thị H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tại phiên tòa: Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc tiến hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có mặt thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn đề nghị được giải quyết vắng mặt, bị đơn sau khi được tống đạt văn bản tố tụng đã từ chối nhận, tiếp tục mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, do đó cần xem xét áp dụng quy định bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định.

Đề nghị áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; 35; 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung); điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cần chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Vi Thị H được ly hôn anh Vi Văn Q.

Xem xét tiếp tục giao con chung Vi Huyền D, sinh ngày 25/11/2012 cho chị Vi Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Vi Văn Q là phù hợp, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, bị đơn không có ý kiến phản hồi do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Vi Thị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Vi Văn Q, đề nghị giao con chung chưa đủ 18 tuổi cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

[1.1] Sau khi xem xét tài liệu, chứng cứ cung cấp có trong hồ sơ, xác minh tại địa phương xác định bị đơn anh Vi Văn Q có nơi đăng ký thường trú và hiện đang cư trú tại bản N, xã M, tỉnh Nghệ An. Căn cứ quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung), vụ án được xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An là đúng quy định.

[1.2] Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bị đơn được biết để có mặt tham gia giải quyết vụ án, nhưng khi tiến hành tống đạt bị đơn không hợp tác, từ chối ký nhận văn bản tố tụng, không có văn bản nêu ý kiến phản hồi gửi cho Tòa án xem xét, cũng như không có mặt tham gia giải quyết vụ án theo quy định. Căn cứ hướng dẫn theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cùng văn bản pháp luật liên quan, xác định vụ án

thuộc trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, do đó Tòa án tiếp tục tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung đúng quy định. Trước khi vụ án được đưa ra xét xử nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng tại phiên tòa theo quy định.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành, thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định, cố tình vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án theo yêu cầu, không gửi văn bản phản hồi ý kiến để Tòa án xem xét, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự theo Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Qua xác minh và lời khai của đương sự cung cấp xác định, chị Vi Thị H và anh Vi Văn Q đăng ký kết hôn tự nguyện vào ngày 12/9/207 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q cũ (Sau sáp nhập nay là xã Q, tỉnh Nghệ An). Hôn nhân giữa hai bên hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn, thủ tục đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, do đó hôn nhân giữa hai bên được công nhận hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, trong những năm gần đây bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có những quan điểm trái ngược về lối sống, cách nuôi dạy con chung và xây dựng hạnh phúc gia đình, không còn sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, có những lời nói xúc phạm gây tổn thương lẫn nhau, vợ chồng đã sống ly thân hiện nay không còn sự quan tâm, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng, không còn hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án và xác minh tại địa phương về mâu thuẫn vợ chồng cho thấy, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, đã sống ly thân, trong thời gian ly thân hai bên không có nỗ lực cố gắng gì để hàn gắn tình cảm, nguyên đơn kiên quyết giữ nguyên ý kiến yêu cầu được giải quyết ly hôn, bị đơn cố tình vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án, không có văn bản nêu ý kiến phản hồi. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vi Thị H giải quyết cho ly hôn đối với anh Vi Văn Q.

[4] Về con chung: Qua xem xét tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, cũng như xác minh về điều kiện, hoàn cảnh và môi trường sống, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng, nguyện vọng của con chung và ý kiến của đương sự, thấy rằng việc giao nuôi con chung khi giải quyết ly hôn phải đảm bảo tôn trọng nguyện vọng, quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho sự phát triển, trưởng thành của con chung về sau. Xét thấy nguyên đơn và bị đơn tuy đều đang trong độ tuổi lao động, có thu nhập để nuôi con, nhưng căn cứ vào tài liệu, chứng cứ khách quan thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cho thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân chị H đang là bên trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, gần gũi con chung, bị đơn không có mặt tham gia giải quyết

vụ án, không có văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án xem xét theo quy định nên không có căn cứ xem xét về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó cần tiếp tục giao con chung chưa đủ 18 tuổi, trưởng thành cho nguyên đơn tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng để nhằm đảm bảo không làm xáo trộn nơi ở, sinh hoạt và học tập của con chung, tạo sự gần gũi về mặt tình cảm gia đình, cũng như phù hợp với nguyện vọng của con chung là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, bản thân nguyên đơn cam kết đảm bảo về thu nhập, nơi ở ổn định chăm sóc, nuôi dưỡng con chung về mọi mặt cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến đối với những yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên không có căn cứ xác minh về công việc, hoàn cảnh kinh tế, thu nhập cũng như khả năng cấp dưỡng, do đó xem xét tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bị đơn là phù hợp.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Người không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Tại nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết. Bị đơn vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày, nêu ý kiến phản hồi của mình đối với phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng gửi cho Tòa án xem xét giải quyết. Xét thấy rằng, yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết đối với phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng không nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước hoặc với bên thứ ba, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận. Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chưa được giải quyết (nếu có), sau này nếu xảy ra tranh chấp hai bên có quyền tự thỏa thuận hoặc yêu cầu khởi kiện giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị H được ly hôn anh Vi Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung Vi Huyền D, sinh ngày 25/11/2012 cho chị Vi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi về người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Vi Văn Q.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Người không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Vi Thị Hồng C án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0002527 ngày 10/4/2026 tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 10 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hà Văn Đông